

Số: 181/2019/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, viên chức trạm y tế xã đôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021;

Xét Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, viên chức trạm y tế cấp xã đôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 271/BC-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, viên chức trạm y tế xã đôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; cụ thể như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ

1.1. Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách, viên chức trạm y tế tại 143 xã, phường, thị trấn đôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

1.2. Không áp dụng chính sách hỗ trợ đối với cán bộ cấp xã giữ các chức vụ do bầu cử nghỉ việc sau Đại hội Đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2020 – 2025 do không đủ điều kiện về tuổi tái cử.

2. Mức hỗ trợ

2.1. Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức trạm y tế cấp xã:

Cán bộ, công chức cấp xã, viên chức trạm y tế xã đôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính, ngoài hưởng các chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ và các chính sách khác theo quy định của pháp luật thì được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi đối với:

Cán bộ, công chức cấp xã, viên chức trạm y tế đủ 55 tuổi trở lên đối với nam, đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên.

Cán bộ, công chức cấp xã, viên chức trạm y tế đủ 50 tuổi trở lên đối với nam, đủ 45 tuổi trở lên đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên.

Thời gian hỗ trợ được tính tròn theo nguyên tắc đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng được tính 1/2 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng được tính 01 năm.

b) Hỗ trợ một lần bằng 12 tháng tiền lương đối với các trường hợp thôi việc ngay.

c) Tiền lương tháng để tính hỗ trợ đối với các trường hợp về hưu trước tuổi và thôi việc ngay tính bằng tiền lương bình quân của 05 năm (60 tháng) cuối.

2.2. Hỗ trợ một lần đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã đôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã như sau:

a) 03 tháng phụ cấp của chức danh trước khi nghỉ việc; trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh thì chỉ tính chức danh có mức phụ cấp cao nhất.

b) Theo thời gian công tác, cứ đủ 30 tháng công tác thì được hỗ trợ bằng 01 tháng phụ cấp của chức danh trước khi nghỉ việc.

Thời gian hỗ trợ tính tròn theo nguyên tắc dưới 16 tháng tính bằng 1/2 tháng phụ cấp; từ 16 tháng đến dưới 30 tháng tính bằng 01 tháng phụ cấp.

3. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện chính sách từ ngày 01/8/2019 - 31/12/2021.

4. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ do ngân sách tỉnh đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, tổ chức triển khai thực hiện.

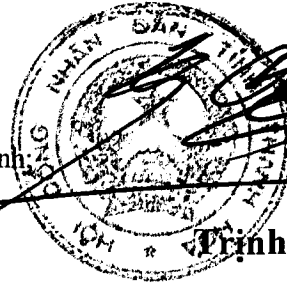
Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND; UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Chiến